CHÍNH PHỦ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: /NĐ-CP	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm 2013

NGHỊ ĐỊNH
Về quản lý an toàn đập

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi ngày 04 tháng 4 năm 2001;

Căn cứ Luật phòng, chống thiên tai ngày 28 tháng 06 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý an toàn đập.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định v ề quản lý an toàn công trình đập và hồ ch ứa nước (sau đây gọi là quản lý an toàn đập).

2. Nghị định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) có hoạt động liên quan đến quản lý an toàn đập trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. An toàn đập là bảo đảm an toàn cho bản thân công trình đập, hồ chứa nước và an toàn về người, tài sản vùng hạ du đập.

2. Đập là công trình được xây dựng để dâng nước hoặc ngăn nước cùng các công trình có liên quan tạo hồ chứa nước.

3. Hồ chứa nước (sau đây gọi tắt là hồ chứa) là công trình có nhiệm vụ tích, trữ nước để điều tiết dòng chảy, cấp nước cho các ngành kinh tế quốc dân, phát điện và cải thiện môi trường.

4. Các công trình có liên quan gồm: công trình xả nước; công trình lấy nước; tuyến năng lượng; công trình thông thuyền; công trình cho cá đi.

5. Vùng phụ cận bảo vệ lòng hồ chứa là vùng được tính từ đường biên có cao trình bằng cao trình đỉnh đập trở xuống đến cao trình mực nước dâng bình thường.

6. Lòng hồ chứa là vùng mặt đất của lòng hồ nằm bị ngập thường xuyên được xác định từ mực nước dâng bình thường trở xuống.

7. Vùng bán ngập của hồ chứa là vùng mặt đất của lòng hồ thường bị ngập trong mùa lũ, được tính từ cao trình mực nước dâng bình thường đến mực nước lũ kiểm tra.

8. Chủ sở hữu đập là tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng đập hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao sở hữu đập theo quy định của pháp luật.

9. Chủ đập là tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc được chủ sở hữu đập giao quản lý, khai thác hồ chứa.

10. Quy trình vận hành điều tiết nước hồ chứa (sau đây gọi tắt là quy trình vận hành hồ chứa) là văn bản quy định về trình tự, nội dung và các chỉ dẫn yêu cầu về việc vận hành hồ tích nước, cấp nước, xả nước để đảm bảo an toàn công trình, vùng hạ du hồ chứa trong điều kiện bình thường và một số tình huống khẩn cấp được dự kiến.

11. Quy trình vận hành liên hồ chứa là quy trình vận hành được lập cho một hệ thống hồ chứa có ảnh hưởng qua lại với nhau về mặt vận hành phát huy nhiệm vụ cho bản thân từng hồ chứa và an toàn cho vùng hạ du các hồ chứa.

12. Vùng hạ du hồ chứa là vùng diện tích tự nhiên nằm phía sau đập, chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi việc xả lũ của hồ chứa theo thiết kế hoặc xả lũ trong tình huống khẩn cấp.

13. Tình huống khẩn cấp đối với đập là tình huống khi xảy ra các trường hợp: mưa, lũ lớn bất thường trên lưu vực hồ chứa, động đất với cường độ lớn, sạt lở đất nghiêm trọng vào trong hồ chứa, các sự cố hư hỏng làm đập mất an toàn hoặc khi đập bị vỡ.

14. Kế hoạch khẩn cấp là văn bản quy định các hoạt động triển khai ứng phó trong trường hợp xảy ra tình huống khẩn cấp đối với đập.

Điều 3. Phân loại, phân cấp đập

1. Đập quan trọng quốc gia là đập của hồ chứa nước quan trọng quốc gia, bao gồm:

a) Đập của hồ chứa có dung tích lớn hơn 1.000.000.000 m^3 (một tỷ mét khối);

b) Đập của hồ chứa có dung tích từ 10.000.000 m^3(mười triệu mét khối) đến 1.000.000.000 m^3 (một tỷ mét khối) nhưng nằm ở địa bàn dân cư tập trung và địa bàn có công trình quốc phòng, công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt danh mục đập quan trọng quốc gia theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều này.

2. Đập lớn là đập có chiều cao đập từ 15 m trở lên hoặc đập của hồ chứa có dung tích toàn bộ từ 3.000.000 m^3 (ba triệu mét khối) trở lên.

3. Đập vừa là đập có chiều cao từ 10 m đến 15 m hoặc đập của hồ chứa có dung tích toàn bộ từ 1.000.000 m^3 đến dưới 3.000.000 m^3 (ba triệu mét khối).

4. Đập nhỏ là đập có chiều cao từ 5m đến 10 m hoặc đập của hồ chứa có dung tích toàn bộ từ 50.000 m^3 (năm nươi ngàn mét khối) đến dưới 1.000.000 m^3 (một triệu mét khối).

5. Đập được phân cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành, gồm 5 cấp như sau: Đập cấp đặc biệt, đập cấp I, đập cấp II, đập cấp III, đập cấp IV.

6. Trong phạm vi Nghị định này các quy định về quản lý kỹ thuật được quy định theo cấp đập, các quy định về quản lý vận hành được quy định theo phân loại đập.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý an toàn đập

Tổ chức, cá nhân có liên quan đến an toàn đập phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

1. Chủ sở hữu đập và chủ đập chịu trách nhiệm chính về an toàn đập do mình sở hữu, quản lý.

2. Bảo đảm an toàn đập là ưu tiên cao nhất trong thiết kế, xây dựng, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa và kết thúc sử dụng đập.

3. Công tác quản lý an toàn đập phải được thực hiện thường xuyên, liên tục trong quá trình xây dựng, quản lý, khai thác.

4. Xác định rõ trách nhiệm của chủ sở hữu đập, chủ đập, của các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp; đề cao ý thức của cộng đồng trong công tác quản lý an toàn đập.

Chương II

QUẢN LÝ AN TOÀN ĐẬP TRONG GIAI ĐOẠN XÂY DỰNG

Điều 5. Yêu cầu về quản lý an toàn đập đối với thiết kế xây dựng đập

Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức quản lý chất lượng khảo sát, thiết kế xây dựng đập phù hợp với tính chất, quy mô và nguồn vốn đầu tư xây dựng theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng, các quy định khác của pháp luật có liên quan, và các quy định dưới đây:

1. Sơ đồ bố trí tổng thể và thiết kế kết cấu đập phải tạo thuận lợi cho công tác quản lý an toàn đập, ứng cứu đập kịp thời khi xảy ra sự cố và sửa chữa khi công trình bị hư hỏng.

2. Đối với các cửa van của đập tràn xả lũ vận hành bằng điện, xi lanh thủy lực phải có ít nhất hai nguồn điện, trong đó có một nguồn diesel dự phòng.

3. Quy trình thao tác, vận hành cửa van, quy trình bảo trì cho từng hạng mục công trình phải được lập, phê duyệt cùng với hồ sơ thiết kế và bàn giao cho chủ đập trước khi đưa công trình vào khai thác sử dụng.

4. Đối với đập lớn, ngoài việc thực hiện các quy định tại khoản 1, 2, 3, Điều này, chủ đầu tư còn phải thực hiện các quy định sau đây:

a) Các công trình lấy nước, công trình tháo nước có đáy đặt sâu dưới đỉnh đập phải có chiều cao, chiều rộng thích hợp để kiểm tra, sửa chữa công trình;

b) Đối với hồ chứa nếu công trình xả lũ là tràn tự do thì phải bố trí thêm tràn sự cố hoặc tràn có cửa để dự phòng xả lũ hoặc hạ thấp mực nước hồ trong tình huống khẩn cấp;

c) Phải xây dựng đường quản lý để lực lượng, phương tiện ứng cứu đập có thể tiếp cận công trình trong tình huống khẩn cấp; xây dựng nhà quản lý phục vụ công tác bảo vệ đập và trực phòng chống lụt, bão tại công trình;

d) Trang bị hệ thống thông tin liên lạc và thiết bị, vật tư, dụng cụ dự phòng cần thiết phục vụ quản lý an toàn đập;

đ) Thiết kế lắp đặt thiết bị quan trắc công trình thích hợp để giám sát trạng thái làm việc của đập và các công trình liên quan; quy định chế độ và thực hiện quan trắc, để kiểm tra, theo dõi liên tục tình trạng của đập;

e) Bố trí thiết bị quan trắc khí tượng, thủy văn thích hợp trên lưu vực công trình;

g) Đối với tràn có cửa van điều tiết, chủ đầu tư phải lắp đặt hệ thống giám sát tự động công tác vận hành xả lũ hồ chứa; hệ thống thông tin cảnh báo phục vụ chỉ đạo, điều hành bảo đảm an toàn đập và phòng chống lũ, lụt vùng hạ du;

h) Xây dựng bản đồ ngập lụt cho vùng hạ du ứng với các tình huống xả lũ thiết kế, khẩn cấp và vỡ đập;

5. Đối với đập vừa, ngoài việc thực hiện các quy định tại khoản 1, 2, 3, chủ đầu tư xây dựng đập phải thực hiện các quy định tại điểm a, b, c, d, đ, khoản 4, Điều này.

Điều 6. Trách nhiệm về quản lý chất lượng thi công xây dựng đập

1. Tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động xây dựng đập phải có đủ điều kiện năng lực phù hợp với công việc thực hiện, có hệ thống quản lý chất lượng và chịu trách nhiệm về chất lượng các công việc thực hiện trước chủ đầu tư và trước pháp luật.

2. Chủ đầu tư xây dựng đập chịu trách nhiệm:

a) Lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng đập phải đáp ứng yêu cầu về điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật;

b) Tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và các quy định khác của pháp luật có liên quan trong suốt quá trình thi công xây dựng đập cho đến khi hoàn thành , bàn giao công trình đưa vào khai thác sử dụng và thực hiện bảo hành công trình theo quy định .

3. Người quyết định đầu tư có trách nhiệm kiểm tra việc tổ chức thực hiện quản lý chất lượng công trình xây dựng của chủ đầu tư và các nhà thầu theo quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất công tác quản lý chất lượng của các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình; kiểm tra chất lượng công trình xây dựng; kiểm tra chuyển bước giai đoạn thi công quan trọng (kết thúc công tác xử lý nền móng đập , tràn xả lũ, cống dưới đập; trước khi chặn dòng , tích nước hồ chứa) kiến nghị và xử lý các vi phạm về chất lượng công trình xây dựng theo quy định của pháp luật đối với các đập thuộc phạm vi quản lý.

Điều 7. Nghiệm thu đập

1. Đập chỉ được nghiệm thu để đưa vào khai thác, sử dụng sau khi cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo quy định của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Hội đồng Nghiệm thu công trình xây dựng đập.

a) Hội đồng Nghiệm thu nhà nước để kiểm tra , nghiệm thu đối với đập cấp đặc biệt và các đập do Thủ tướng Chính phủ yêu cầu;

b) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ để kiểm tra, nghiệm thu đối với đập cấp I, đập thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Bộ do Bộ trưởng yêu cầu, trừ đập được quy định tại điểm a, khoản 2, Điều này;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh để kiểm tra, nghiệm thu đối với đập cấp II, cấp III, đập thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của tỉnh và đập xây dựng trên địa bàn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu, trừ đập quy định tại các điểm a, b, khoản 2, Điều này.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự, thủ tục thành lập và quy chế hoạt động của Hội đồng kiểm tra công tác nghiệm thu cấp Bộ, cấp tỉnh.

4. Thẩm quyền quyết định việc nghiệm thu công trình đập để đưa vào khai thác, sử dụng:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định nghiệm thu, bàn giao công trình đập để đưa vào khai thác, sử dụng đối với công trình xây dựng đập quy định tại điểm a, khoản 2, Điều này;

b) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định việc nghiệm thu, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng đối với đập quy định tại điểm b, khoản 2, Điều này;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc nghiệm thu, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng đối với các đập quy định tại điểm c, khoản 2, Điều này.

Điều 8. Lưu trữ hồ sơ kỹ thuật

1. Chủ sở hữu đập và chủ đập chịu trách nhiệm lưu trữ toàn bộ hồ sơ từ khâu thiết kế đến xây dựng đập.

2. Trong quá trình quản lý khai thác, chủ đập phải cập nhật, bổ sung đầy đủ các thông tin về công tác quan trắc, kiểm tra, kiểm định, bảo dưỡng, sửa chữa nâng cấp đập và các thông tin về các sự kiện bất thường trong suốt quá trình vận hành của đập.

Chương III

QUẢN LÝ VẬN HÀNH ĐẬP

Điều 9. Đăng ký an toàn đập

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chủ sở hữu đập phải lựa chọn chủ đập có đủ năng lực để quản lý, khai thác đập theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương.

2. Chủ đập phải tiến hành việc kê khai đăng ký an toàn đập tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận bàn giao quản lý đập.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức việc đăng ký an toàn đập trên địa bàn quản lý.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn trình tự, thủ tục, nội dung đăng ký an toàn đập.

Điều 10. Quy trình vận hành hồ chứa

Quy trình vận hành hồ chứa phải đư ợc lập , trình cấp có th ẩm quyền phê duyệt trước khi hồ tích nước; quy trình phải đáp ứng đầy đủ các nhiệm vụ của công trình theo thứ tự ưu tiên : bảo đảm an toàn công trình ; an toàn vùng hạ du ; duy trì dòng chảy tối thiểu về hạ du theo quy định; trong trường hợp bình thường không được làm tăng thêm mức độ ngập lụt ở hạ du; quy trình phải phù hợp với quy trình vận hành liên h ồ chứa đã được phê duyệt.

1. Nội dung của quy trình vận hành hồ chứa:

a) Nhiệm vụ của công trình;

b) Các thông số chính của công trình hồ chứa;

c) Các quy định cụ thể trong quy trình vận hành hồ chứa: Quy định về nhiệm vụ chống lũ, cấp nước, phát điện (nếu có);

d) Quy định khoảng thời gian tối thiểu phải thông báo trước khi xả lũ trong trường hợp bình thường và trong các tình huống khẩn cấp;

e) Nguyên tắc phối hợp giữa các công trình cắt giảm lũ và phân lũ (nếu có);

h) Quy định trách nhiệm tổ chức vận hành hồ chứa: Trách nhiệm của cơ quan, cá nhân phát lệnh; thực hiện lệnh; thông báo lệnh tới các nơi bị ảnh hưởng bởi việc vận hành cửa van; nguyên tắc xử lý sự cố trong vận hành đập; trách nhiệm xử lý các khiếm khuyết, hư hỏng liên quan tới công trình, thiết bị đảm bảo khai thác, vận hành an toàn đập trong mùa lũ.

2. Quy định về lập, điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa:

a) Đối với đập xây dựng mới hoặc sửa chữa nâng cấp, chủ đầu tư phải tổ chức lập quy trình vận hành hồ chứa, phê duyệt, ban hành trước khi tích nước;

b) Đối với đập đã đưa vào khai thác, sử dụng mà chưa có quy trình vận hành thì chủ sở hữu đập phải tổ chức lập và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện trước ngày 31 tháng 12 năm 2015;

c) Quy trình vận hành hồ chứa, vận hành liên hồ chứa phải được lấy ý kiến bằng văn bản của các chủ sở hữu đập có liên quan trong hệ thống và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Hàng năm, chủ sở hữu đập và chủ đập phải kiểm tra, đánh giá lại quy trình vận hành. Trường hợp quy trình vận hành không còn phù hợp thì phải sửa đổi, bổ sung quy trình và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện.

3. Thẩm quyền phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa:

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy trình vận hành liên hồ chứa, quy trình vận hành đối với các đập có tầm quan trọng đặc biệt mà chế độ điều tiết hồ chứa có tác động đến an toàn đê điều và các hoạt động kinh tế - xã hội của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc có ảnh hưởng đến các quốc gia láng giềng. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt quy trình vận hành đối với các đập thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa đối với đập do tỉnh quản lý trừ các đập lớn, đập quan trọng quốc gia và đập mà việc khai thác và bảo vệ, có liên quan đến hai tỉnh trở lên;

c) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa đối với đập lớn, đập quan trọng quốc gia và đập thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý mà việc khai thác, bảo vệ có liên quan đến hai tỉnh trở lên;

d) Bộ trưởng Bộ Công Thương: Tổ chức lập quy trình vận hành hồ chứa thuỷ điện lớn, khai thác tổng hợp theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa đối với đập lớn, đập quan trọng quốc gia đập và đập thủy điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý mà việc khai thác, bảo vệ có liên quan đến hai tỉnh trở lên.

4. Trách nhiệm của chủ đập thực hiện vận hành hồ chứa:

a) Tuân thủ đúng quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa đã được phê duyệt, trừ trường hợp đặc biệt thực hiện theo chỉ đạo của người có thẩm quyền;

b) Đối với các đập có nhiệm vụ điều tiết lũ, việc vận hành tích nước, xả lũ phải ưu tiên đảm bảo an toàn đập, thực hiện điều tiết cắt lũ và tích trữ nước hồ theo nhiệm vụ công trình;

c) Báo cáo kịp thời với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh quy trình vận hành hoặc quyết định vận hành để đảm bảo an toàn đập và vùng hạ du khi xảy ra các tình huống khẩn cấp;

d) Chấp hành lệnh vận hành (tích nước, xả nước) của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp lũ, lụt, hạn hán, thiếu nước và các tình huống khẩn cấp;

e) Phải thông báo và cung cấp các thông tin kịp thời theo đúng thời gian được quy định trong quy trình với cơ quan, chính quyền các địa phương có liên quan trong trường hợp vận hành xả lũ hồ chứa.

5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự, thủ tục và nội dung lập, thẩm định và phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa.

Điều 11. Quan trắc đập và các yếu tố khí tượng thuỷ văn

1. Đối với đập lớn, chủ sở hữu đập và chủ đập phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Bố trí thiết bị quan trắc khí tượng, thủy văn thích hợp trên lưu vực công trình;

b) Tổ chức quan trắc yếu tố khí tượng, thuỷ văn trên lưu vực hồ chứa để phục vụ quản lý, vận hành;

2. Đối với các đập vừa và nhỏ: chủ đập phải thực hiện việc quan trắc mức nước hồ chứa và quan trắc khác theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

3. Quan trắc công trình đập:

a) Chủ sở hữu đập phải lắp đặt thiết bị quan trắc công trình để giám sát trạng thái làm việc của đập theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành, phù hợp với quy mô và tầm quan trọng của đập;

b) Chủ đập phải ghi chép mọi tình hình khác thường xảy ra trong quá trình vận hành, đặc biệt là khi có mưa, lũ lớn trên lưu vực, mực nước hồ dâng cao hoặc có động đất và trình tự xử lý các tình huống khẩn cấp;

c) Chủ đập phải hiệu chỉnh, hệ thống hoá, phân tích, đánh giá tài liệu quan trắc, so sánh với số liệu thiết kế; phát hiện các đột biến để kịp thời xử lý;

d) Chủ đập phải lưu trữ, tài liệu kết quả quan trắc làm cơ sở để kiểm tra, kiểm định đánh giá tổng thể an toàn đập.

Điều 12. Kiểm tra đập

Hàng năm các cơ quan quản lý, chủ đập phải tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn đập theo nội dung và chế độ quy định dưới đây:

1. Kiểm tra thường xuyên: Chủ đập phải thường xuyên phân tích, đánh giá tài liệu đo đạc, quan trắc đập, kiểm tra trực quan tại hiện trường để nắm bắt kịp thời hiện trạng đập, cung cấp tài liệu cơ bản cho việc đánh giá tổng thể an toàn đập.

2. Kiểm tra định kỳ:

a) Hàng năm, vào thời điểm trước khi bước vào mùa lũ, chủ đập phải tiến hành kiểm tra, đánh giá chung về ổn định đập; phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh, các Bộ, ngành, địa phương để xây dựng hoặc cập nhật, bổ sung phương án phòng, chống lụt, bão của đập và phương án phòng chống lũ, lụt vùng hạ du;

b) Sau khi kết thúc mùa lũ, chủ đập phải tiến hành kiểm tra nhằm phát hiện các hư hỏng; theo dõi diễn biến các hư hỏng đã có của đập; rút kinh nghiệm công tác phòng chống lũ, bão; đề xuất biện pháp và kế hoạch sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, tồn tại (nếu có).

3. Kiểm tra đột xuất:

a) Chủ đập phải tiến hành ngay sau khi có mưa lũ lớn trên lưu vực hoặc động đất mạnh tại khu vực công trình.

b) Trường hợp phát hiện đập có hư hỏng đột xuất, chủ đập phải báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, đồng thời phải thực hiện các biện pháp chủ động phòng, chống, bảo đảm an toàn đập và an toàn vùng hạ du.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Chỉ đạo công tác kiểm tra định kỳ, đột xuất của chủ đập; đánh giá mức độ an toàn đập và công tác quản lý an toàn đập; quyết định việc tích nước để bảo đảm an toàn đối với các đập trên địa bàn tỉnh, trừ đập quan trọng quốc gia.

b) Chỉ đạo chủ sở hữu đập và chủ đập thực hiện các biện pháp phòng, chống và xử lý có hư hỏng đột xuất bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du, đối với đập trên địa bàn tỉnh quản lý.

5. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương:

a) Chỉ đạo công tác kiểm tra định kỳ, đột xuất của chủ đập; đánh giá mức độ an toàn đập và công tác quản lý an toàn đập; quyết định việc tích nước để bảo đảm an toàn đối với đập quan trọng quốc gia (trừ các đập trên bậc thang thủy điện sông Đà do Thủ Tướng Chính phủ quyết định).

b) Chỉ đạo chủ sở hữu đập và chủ đập quan trọng quốc gia thực hiện các biện pháp phòng, chống và xử lý có hư hỏng đột xuất bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du.

Điều 13. Báo cáo hiện trạng an toàn đập

Hàng năm, chủ đập phải lập và gửi báo cáo về hiện trạng an toàn đập cho các cơ quan liên quan theo quy định dưới đây:

1. Đối với đập quan trọng quốc gia: Chủ đập phải gửi báo cáo hiện trạng an toàn đập về Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với đập thủy lợi; Sở Công Thương và Bộ Công Thương đối với đập thủy điện với các nội dung sau:

a) Mức nước trữ cao nhất trong hồ chứa; dòng chảy lũ lớn nhất về hồ chứa (thời gian xuất hiện, lưu lượng đỉnh lũ, tổng lượng lũ);

b) Kết quả đo đạc, quan trắc đập đã được hiệu chỉnh, phân tích, đánh giá;

c) Kết quả kiểm tra công trình trước lũ, sau lũ;

d) Các hư hỏng của công trình và công tác sửa chữa, khắc phục (nếu có).

2. Đối với các đập khác: Chủ đập phải gửi báo cáo hiện trạng an toàn đập tới Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương (đối với đập thủy điện) với các nội dung sau:

a) Kết quả kiểm tra công trình trước lũ, sau lũ;

b) Các hư hỏng của công trình và công tác sửa chữa, khắc phục (nếu có).

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với đập thủy lợi; Sở Công Thương chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Công thương đối với đập thủy điện. Nội dung báo cáo gồm:

a) Đánh giá tình hình thực hiện công tác quản lý an toàn đập của các chủ đập trên địa bàn;

b) Danh mục các hồ chứa bị hư hỏng, xuống cấp; đề xuất biện pháp cụ thể để bảo đảm an toàn đối với công trình và vùng hạ du;

c) Công tác sửa chữa, nâng cấp các công trình đập trên địa bàn tỉnh quản lý.

4. Thời gian gửi báo cáo định kỳ:

a) Trước tháng 5 đối với các tỉnh thuộc Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long;

b) Trước tháng 9 đối với các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ.

5. Chủ đập phải báo cáo ngay Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn địa phương và các cơ quan liên quan theo quy định khi xảy ra các tình huống sau đây:

a) Xuất hiện các tình huống khẩn cấp đối với đập;

b) Nghi ngờ có âm mưu phá hoại đập.

Điều 14. Bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên đập

1. Chủ sở hữu đập và chủ đập phải thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên các bộ phận công trình và thiết bị theo quy trình và kế hoạch bảo trì hàng năm.

2. Chủ đập tự tổ chức thực hiện việc kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa công trình theo quy trình bảo trì công trình nếu đủ điều kiện năng lực hoặc thuê tổ chức có đủ điều kiện năng lực thực hiện.

Điều 15. Kiểm định an toàn đập

1. Kiểm định lần đầu: Đối với đập quan trọng quốc gia phải thực hiện việc kiểm định ngay sau hai năm kể từ ngày hồ tích nước lần đầu.

2. Kiểm định theo định kỳ:

a) Đối với đập lớn việc kiểm định được thực hiện theo định kỳ không quá 10 năm kể từ lần kiểm định gần nhất;

b) Đối với đập vừa: việc kiểm định được thực hiện theo định kỳ không quá 7 năm, kể từ ngày hồ tích nước hoặc kể từ lần kiểm định gần nhất.

3. Kiểm định đột xuất trong các trường hợp sau:

a) Khi phát hiện có hư hỏng của một số bộ phận công trình hoặc công trình có biểu hiện xuống cấp về chất lượng, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng;

b) Khi cần có cơ sở để quyết định việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình đối với các công trình hết tuổi thọ thiết kế hoặc làm cơ sở cho việc cải tạo, nâng cấp công trình.

4. Nội dung chính kiểm định gồm:

a) Đối với đập quan trọng quốc gia và đập lớn: Kiểm tra, phân tích tài liệu đo đạc, quan trắc đập; đánh giá chất lượng và sự an toàn của đập; kiểm tra tình trạng sạt lở bờ hồ và bồi lắng lòng hồ chứa; kiểm tra khả năng xả lũ của hồ chứa theo tiêu chuẩn thiết kế hiện hành, tài liệu khí tượng thuỷ văn và các thay đổi về lưu vực đã được cập nhật;

b) Đối với đập vừa: Kiểm tra, đánh giá chất lượng và sự an toàn của đập; kiểm tra khả năng xả lũ của hồ chứa theo tiêu chuẩn thiết kế hiện hành, tài liệu khí tượng thuỷ văn và các thay đổi về lưu vực đã được cập nhật;

c) Đối với các đập nhỏ: thực hiện kiểm định trong các trường hợp quy định tại, khoản 3 và nội dung theo điểm b, khoản 4, Điều này.

5. Trách nhiệm thực hiện:

a) Chủ đập lựa chọn đơn vị tư vấn có đủ điều kiện về năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật để thực hiện kiểm định; báo cáo kết quả kiểm định về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương (đối với đập thủy điện) để xử lý theo quy định;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Chỉ đạo kiểm tra việc kiểm định; phê duyệt đề cương kiểm định đối với các đập trên địa bàn, trừ đập quan trọng quốc gia;

c) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương: Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc kiểm định an toàn đập đối với đập quan trọng quốc gia và đập thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

6. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự, thủ tục và nội dung kiểm định an toàn đập.

Điều 16. Khôi phục, sửa chữa, nâng cấp đập

1. Đập được khôi phục, sửa chữa, nâng cấp trong các trường hợp sau:

a) Đập bị hư hỏng nặng, không bảo đảm an toàn;

b) Đập không thỏa mãn điều kiện ổn định hoặc công trình thiếu khả năng xả lũ theo tiêu chuẩn thiết kế hiện hành;

c) Xảy ra hiện tượng sạt, trượt bờ hồ chứa có ảnh hưởng đến an toàn đập.

2. Trách nhiệm khôi phục, sửa chữa, nâng cấp đập:

a) Chủ sở hữu đập phải thực hiện khôi phục, sửa chữa, nâng cấp đối với các đập thủy điện và đập phục vụ kinh doanh;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện khôi phục, sửa chữa, nâng cấp đối với đập thủy lợi thuộc phạm vi tỉnh quản lý, trừ đập lớn và đập quan trọng quốc gia;

c) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện khôi phục, sửa chữa, nâng cấp đối với đập lớn và đập quan trọng quốc gia thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

3. Việc khôi phục, sửa chữa, nâng cấp đập tiến hành theo các quy định về quản lý đầu tư xây dựng hiện hành.

Điều 17. Phạm vi bảo vệ đập

1. Phạm vi bảo vệ đập bao gồm: phạm vi công trình, lòng hồ chứa và vùng phụ cận bảo vệ đập, vùng phụ cận bảo vệ lòng hồ.

2. Chủ đập có trách nhiệm xác định, cắm mốc chỉ giới phạm vi vùng phụ cận bảo vệ đập theo quy định sau đây:

a) Đối với đập quan trọng quốc gia: Vùng phụ cận bảo vệ đập quy định từ chân đập trở ra là 500 m, trong phạm vi vùng phụ cận được chia làm hai phần: phần không được xâm phạm kể từ chân đập chính trở ra là 150 m; phần còn lại được sử dụng cho các hoạt động không gây mất an toàn đập;

b) Đối với đập lớn có hiều cao đập từ 35 m trở lên hoặc đập của hồ chứa có dung tích toàn bộ từ 200.000.000 m^3 (hai trăm triệu mét khối) trở lên, vùng phụ cận bảo vệ đập quy định từ chân đập trở ra là 300m, phạm vi không được xâm phạm là 100m sát chân đập; các đập lớn còn lại: vùng phụ cận bảo vệ đập quy định từ chân đập trở ra là 200m, trong đó: phần không được xâm phạm kể từ chân đập chính trở ra là 100 m; phần còn lại được sử dụng cho các hoạt động không gây mất an toàn đập;

c) Đối với đập vừa: Vùng phụ cận bảo vệ đập quy định từ chân đập trở ra là 100 m, trong đó: phần không được xâm phạm kể từ chân đập chính trở ra là 40 m; phần còn lại được sử dụng cho các hoạt động không gây mất an toàn đập;

d) Đối với đập nhỏ: Vùng phụ cận bảo vệ đập quy định từ chân đập trở ra là 50m; trong đó: phần không được xâm phạm kể từ chân đập chính trở ra là 20 m; phần còn lại được sử dụng cho các hoạt động không gây mất an toàn đập.

3. Đối với lòng hồ chứa và vùng phụ cận bảo vệ lòng hồ chứa: Chủ đập chịu trách nhiệm xây dựng phương án và thực hiện cắm mốc chỉ giới vùng phụ cận và tổ chức bảo vệ lòng hồ.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, căn cứ đặc điểm tình hình của địa phương, tính chất quan trọng của từng hồ chứa để quy định, phân cấp cụ thể việc phê duyệt phương án cắm mốc chỉ giới và chịu trách nhiệm quản lý vùng phụ cận bảo vệ lòng hồ chứa theo quy định của Pháp lệnh về khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự, thủ tục và nội dung lập, thẩm định và phê duyệt phương án cắm mốc phạm vi bảo vệ đập.

Điều 18. Phương án bảo vệ đập

1. Chủ đập lập phương án bảo vệ đập, trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định của Pháp lệnh về khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Căn cứ vào quy mô, vị trí địa lý, tầm quan trọng của đập về an ninh quốc phòng, kinh tế và tình hình trật tự an ninh tại địa phương để đề cập các nội dung chính sau đây:

a) Bảo vệ thường xuyên, chống xâm hại đập; đề phòng âm mưu phá hoại đập;

b) Tổ chức tuần tra, canh gác tại đập khi xảy ra mưa, lũ lớn;

c) Tổ chức kiểm tra, kiểm soát người và phương tiện đối với khách đến làm việc, tham quan, du lịch, thị sát đập;

d) Phương án huy động lực lượng, phương tiện ứng phó trong tình huống khẩn cấp;

đ) Quy định việc giới hạn hoặc cấm các loại phương tiện giao thông có tải trọng lớn lưu hành trên mặt đập, vùng lòng hồ, đặc biệt trong mùa mưa lũ;

e) Các vấn đề khác có liên quan đến bảo vệ đập.

3. Thẩm quyền phê duyệt phương án bảo vệ đập:

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án bảo vệ đập quan trọng quốc gia;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Phê duyệt phương án bảo vệ đập trên địa bàn tỉnh quản lý, trừ đập quan trọng quốc gia; cấp, thu hồi, gia hạn giấy phép đối với các hoạt động phải có giấy phép trong phạm vi bảo vệ đập và trong vùng phụ cận bảo vệ lòng hồ chứa trên địa bàn tỉnh, (trừ đập thủy lợi quan trọng quốc gia) theo quy định của Pháp lệnh về khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

c) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng phương án bảo vệ đập quan trọng quốc gia thuộc phạm vi quản lý của Bộ, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

Cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép hoặc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép đối với các hoạt động phải có giấy phép trong vùng phụ cận bảo vệ đập và vùng phụ cận bảo vệ lòng hồ chứa quan trọng quốc gia.

d) Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng phương án bảo vệ đập quan trọng quốc gia thuộc phạm vi quản lý của Bộ, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự, thủ tục và nội dung lập, thẩm định và phê duyệt phương án bảo vệ đập.

Chương IV

BẢO ĐẢM AN TOÀN ĐẬP VÀ VÙNG HẠ DU

Điều 19. Bảo đảm an toàn đập trong mùa lũ

1. Đập thuộc loại công trình phòng chống lụt, bão, trước mùa mưa bão hàng năm, chủ đập (chủ đầu tư) phải lập phương án phòng chống lụt, bão bảo đảm an toàn đập.

2. Nội dung phương án phòng chống lụt, bão bao gồm:

a) Tóm tắt đặc điểm, tình hình của hồ chứa có liên quan đến công tác phòng chống lụt, bão;

b) Diễn biến tình hình và đặc điểm mưa lũ trên lưu vực hồ chứa;

c) Quy định cấp báo động và hiệu lệnh báo động tương ứng trong các trường hợp khẩn cấp;

d) Đánh giá chất lượng đập và thiết bị vận hành đập;

đ) Dự kiến tình huống mất an toàn đập có thể xảy ra và giải pháp kỹ thuật để dự báo, phát hiện, đối phó, cảnh báo lụt, bão;

e) Chuẩn bị về nhân lực, vật tư, vật liệu dự phòng; dụng cụ, thiết bị, xe máy; thông tin liên lạc, ánh sáng;

g) Danh sách ban chỉ huy phòng chống lụt, bão, danh sách lực lượng ứng cứu của chính quyền địa phương và của các tổ chức có liên quan.

3. Trách nhiệm của chủ đập:

a) Trước mùa mưa lũ hàng năm, phải lập hoặc cập nhật, bổ sung phương án phòng chống lụt, bão bảo đảm an toàn đập, trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Triển khai thực hiện theo phương án phòng chống lụt, bão đã được phê duyệt;

c) Trong suốt mùa lũ, chủ đập phải duy trì chế độ thông tin liên lạc, chế độ báo cáo tình hình về Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp trên và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án phòng chống lụt, bão đối với đập trên địa bàn tỉnh quản lý trừ đập quan trọng quốc gia;

5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương phê duyệt hoặc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án phòng, chống lụt, bão bảo đảm an toàn đập quan trọng quốc gia thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

Điều 20. Phòng, chống lũ, lụt cho vùng hạ du đập

Vùng hạ du đập chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi việc xả lũ của hồ chứa theo thiết kế hoặc xả lũ trong tình huống khẩn cấp phải được lập phương án phòng chống lũ, lụt để chủ động đối phó với các trường hợp ngập lụt, nhằm bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân.

1. Nội dung chính của phương án gồm:

a) Lập bản đồ ngập lụt vùng hạ du bị ảnh hưởng bởi xả lũ của hồ ứng với các tình huống xả lũ, có tính đến yếu tố biến đổi khí hậu; liệt kê các đối tượng bị ảnh hưởng, phạm vi, mức độ ảnh hưởng;

b) Hệ thống thông tin, cảnh báo; công tác thông báo, báo động đến chính quyền địa phương, cơ quan phòng chống thiên tai và người dân khu vực bị ảnh hưởng;

c) Công tác chuẩn bị về nhân lực, vật tư, vật liệu dự phòng; dụng cụ, thiết bị, xe máy trong trường hợp bình thường và tình huống khẩn cấp;

d) Các kế hoạch ứng phó, khắc phục hậu quả phù hợp với từng tình huống lũ, lụt khác nhau;

e) Tổ chức phối hợp thực hiện theo từng phương án; trách nhiệm của chủ sở hữu đập, chủ đập, trách nhiệm của các cấp, ngành, địa phương và Trung ương.

2. Trách nhiệm lập phương án phòng chống lũ, lụt cho vùng hạ du:

a) Chủ sở hữu đập và chủ đập chịu trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương lập và trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án phòng chống lũ, lụt cho vùng hạ du đập;

b) Đối với đập có vùng hạ du thuộc địa bàn hai tỉnh trở lên thì chủ sở hữu đập và chủ đập phải lập, thỏa thuận với Ủy ban nhân dân các tỉnh có liên quan trước khi trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt đối với đập thủy lợi; Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt đối với đập thủy điện.

3. Trách nhiệm của chủ sở hữu đập và chủ đập:

a) Chủ sở hữu đập phải lắp đặt hệ thống cảnh báo, hệ thống thông tin, liên lạc để thông báo thông tin về việc vận hành xả lũ hồ chứa tới các cơ quan liên quan và nhân dân vùng hạ du theo quy định;

b) Trước khi vận hành mở các cửa van xả lũ, chủ đập phải thông báo kịp thời (qua điện thoại, fax và văn bản) theo thời gian được quy định trong quy trình vận hành hồ chứa, đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện; thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh, huyện có liên quan; Đài Phát thanh -Truyền hình địa phương, đồng thời thông báo trên hệ thống cảnh báo để thông tin kịp thời đến nhân dân vùng hạ du đập, phòng tránh lũ, lụt;

c) Trong suốt thời gian làm nhiệm vụ điều tiết chống lũ, chủ đập phải thông báo số liệu các lần quan trắc, đo đạc mực nước thượng lưu, mực nước hạ lưu đập; lưu lượng vào hồ, lưu lượng xả qua đập tràn, lưu lượng tháo qua tuốc-bin (nếu có); dự tính khả năng gia tăng mực nước hồ trên cơ sở lưu lượng dự báo vào hồ.

4. Thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Phê duyệt phương án phòng chống lũ, lụt cho vùng hạ du đối với các đập trên địa bàn tỉnh quản lý trừ đập có vùng hạ du thuộc địa bàn hai tỉnh trở lên;

b) Tổ chức lập và phê duyệt phương án phòng, chống lũ, lụt cho vùng hạ du chịu ảnh hưởng xả lũ của nhiều hồ chứa thuộc phạm vi tỉnh quản lý;

c) Thỏa thuận với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, phê duyệt phương án phòng, chống lũ, lụt cho vùng hạ du đối với đập có vùng hạ du thuộc địa bàn hai tỉnh trở lên;

d) Gửi phương án phòng chống lũ, lụt cho vùng hạ du các đập lớn do tỉnh phê duyệt đến Ban chỉ đạo trung ương về phòng, chống thiên tai, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với đập thủy lợi), Bộ Công Thương thôn (đối với đập thủy điện) để phối hợp chỉ đạo thực hiện;

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền huy động lực lượng, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn để phục vụ ứng phó thiên tai và cứu trợ khẩn cấp trong trường hợp xảy ra lũ, lụt gây thiệt hại cho vùng hạ du đập;

e) Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc vận hành hồ chứa và thực hiện các phương án đảm bảo an toàn hạ du đối với các đập trên địa bàn quản lý của tỉnh.

5. Thẩm quyền và trách nhiệm của Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh:

a) Quyết định việc vận hành điều tiết đối với phần dung tích phòng lũ của hồ chứa nhằm bảo đảm an toàn vùng hạ du khi có dự báo mưa, lũ lớn xảy ra trên lưu vực đối với các đập trên địa bàn tỉnh quản lý (trừ đập quan trọng quốc gia và các đập trên bậc thang thủy điện sông Đà do Thủ Tướng Chính phủ quyết định);

b) Quyết định theo thẩm quyền biện pháp xử lý khẩn cấp, khắc phục hậu quả theo quy định của Luật phòng chống thiên tai trong trường hợp xảy ra lũ, lụt do xả lũ hồ chứa gây thiệt hại cho vùng hạ du trên địa bàn tỉnh quản lý. Trường hợp vượt quá khả năng, thẩm quyền phải báo cáo kịp thời với Ban chỉ đạo trung ương về phòng, chống thiên tai để chỉ đạo thực hiện;

6. Trưởng Ban chỉ đạo trung ương về phòng, chống thiên tai quyết định huy động hoặc báo cáo, đề xuất Thủ tướng Chính phủ quyết định huy động nguồn lực và biện pháp ứng phó đảm bảo an toàn hạ du trong trường hợp vượt quá khả năng của địa phương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương.

7. Thẩm quyền và trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương:

a) Phê duyệt phương án phòng, chống lũ, lụt cho vùng hạ du đập có vùng hạ du thuộc địa bàn hai tỉnh trở lên thuộc phạm vi quản lý của Bộ;

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án phòng, chống lũ, lụt vùng hạ du đối với đập quan trọng quốc gia thuộc phạm vi quản lý của Bộ;

c) Gửi phương án phòng chống lũ, lụt cho vùng hạ du do Bộ phê duyệt đến Thường trực Ban chỉ đạo trung ương về phòng, chống thiên tai, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan để phối hợp chỉ đạo thực hiện.

d) Quyết định việc vận hành điều tiết đối với phần dung tích phòng lũ của hồ chứa quan trọng quốc gia thuộc phạm vi quản lý của Bộ nhằm bảo đảm an toàn vùng hạ du khi có dự báo mưa, lũ lớn bất thường xảy ra trên lưu vực;

e) Quyết định theo thẩm quyền biện pháp xử lý khẩn cấp; khắc phục hậu quả theo quy định của Luật phòng chống thiên tai trong trường hợp xảy ra lũ, lụt do xả lũ hồ chứa gây thiệt hại về người và tài sản của nhân dân vùng hạ du đối với đập thuộc phạm vi quản lý của Bộ;

h) Chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự, thủ tục, nội dung lập phương án phòng chống lũ, lụt cho vùng hạ du đập.

Điều 21. Cứu hộ đập

1. Trường hợp xảy ra sự cố có thể gây mất an toàn đập, chủ đập phải triển khai cứu hộ khẩn cấp với nỗ lực và ưu tiên cao nhất để giữ an toàn công trình, giảm thiểu thiệt hại; đồng thời báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thường trực Ban chỉ đạo trung ương về phòng chống thiên tai, Thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp trên, chủ sở hữu đập để ứng cứu, hỗ trợ và kịp thời triển khai phương án ứng phó trong các tình huống khẩn cấp.

2. Ủy ban nhân dân các cấp theo chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức việc cứu hộ đập trên địa bàn, tham gia cứu hộ đập cho địa phương khác theo quy định của pháp luật.

3. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định theo thẩm quyền, biện pháp, huy động lực lượng, vật tư, phương tiện để phòng chống thiên tai bảo đảm an toàn đập, cứu hộ đập đối với đập thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

4. Trưởng Ban chỉ đạo trung ương về phòng, chống thiên tai quyết định huy động hoặc báo cáo, đề xuất Thủ tướng Chính phủ quyết định huy động nguồn lực và biện pháp ứng phó bảo đảm an toàn đập, cứu hộ đập trong trường hợp vượt quá khả năng của địa phương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương.

Điều 22. Kinh phí thực hiện công tác quản lý an toàn đập

1. Kinh phí thực hiện quản lý an toàn đập do chủ sở hữu đập chi trả hoặc do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp.

2. Nguồn kinh phí quản lý an toàn đập bao gồm:

a) Ngân sách Nhà nước (ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương) phân bổ hàng năm và nguồn vốn hợp pháp khác đối với đập, hồ chứa thủy lợi;

b) Nguồn vốn của chủ đầu tư, chủ sở hữu và nguồn vốn hợp pháp khác đối với đập, hồ chứa phục vụ kinh doanh.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN ĐẬP

Điều 23. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn đập

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về an toàn đập.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về an toàn đập, bao gồm:

a) Xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch quốc gia, chính sách, chương trình về quản lý an toàn đập;

b) Chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng, ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn về quản lý an toàn đập;

c) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về quản lý an toàn đập thủy lợi;

d) Tổ chức thống kê, xây dựng cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về an toàn đập;

đ) Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong quản lý an toàn đập; đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho lực lượng quản lý, vận hành hồ chứa thủy lợi;

đ) Tổ chức thực hiện việc hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản lý an toàn đập;

e) Thực hiện các trách nhiệm quản lý nhà nước khác về an toàn đối với đập thủy lợi.

3. Bộ Công Thương chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về an toàn đập thủy điện, bao gồm:

a) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn về quản lý an toàn đập;

b) Tổ chức lập quy trình vận hành hồ chứa thuỷ điện lớn, khai thác tổng hợp theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

c) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về quản lý an toàn đập thủy điện;

d) Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong quản lý an toàn đập; đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho lực lượng quản lý, vận hành hồ chứa thủy điện;

đ) Tổ chức thực hiện việc hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản lý an toàn đập thủy điện;

e) Thực hiện các trách nhiệm quản lý nhà nước khác về an toàn đối với đập thủy điện.

4. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường:

a) Chỉ đạo, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương, chủ đầu tư liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; hướng dẫn trình tự, thủ tục, nội dung lập quy trình vận hành liên hồ chứa;

b) Thanh tra, kiểm tra, việc thực hiện quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông;

c) Cung cấp thông tin dự báo mưa, lũ trên các lưu vực sông cho các cơ quan có liên quan để thực hiện tốt công tác vận hành hồ chứa;

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương hướng dẫn việc lắp đặt thiết bị quan trắc khí tượng, thủy văn trên lưu vực các đập lớn và đập quan trọng quốc gia.

5. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Phối hợp với với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, xây dựng các quy chuẩn, tiêu chuẩn, các đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ về quản lý an toàn đập;

b) Thành lập tổ chức tư vấn giúp Bộ trưởng và sử dụng bộ máy của Bộ để thực hiện nhiệm vụ về khoa học, công nghệ liên quan đến an toàn của Thủy điện Hòa Bình và các công trình thủy điện trên bậc thang thủy điện sông Đà;

c) Tổ chức nghiên cứu khoa học công nghệ phục vụ quản lý an toàn đập.

6. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính:

a) Bố trí vốn đầu tư cho công tác bảo trì, sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn đối với các công trình đập và hồ chứa thủy lợi;

b) Tổng hợp, bố trí dự toán ngân sách nhà nước hàng năm để chi cho nhiệm vụ quản lý an toàn đập theo quy định tại Nghị định này và của Luật ngân sách Nhà nước, Luật phòng chống thiên tai.

7. Ban chỉ đạo trung ương về phòng, chống thiên tai thực hiện trách nhiệm về bảo đảm an toàn đập theo quy định của Luật phòng chống thiên tai.

8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về an toàn đập trên địa bàn, gồm:

a) Ban hành theo thẩm quyền, hướng dẫn, tuyên truyền phổ biến và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý an toàn đập trên địa bàn;

b) Thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm hành chính về quản lý an toàn đập thuộc địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật;

c) Phân công, phân cấp cụ thể trách nhiệm của các cơ quan quản lý chuyên ngành và chính quyền các cấp trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an toàn đập;

d) Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan chỉ đạo xử lý các hành vi vi phạm quy định của Nghị định này; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về quản lý an toàn đập theo quy định của pháp luật;

đ) Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên làm công tác quản lý, vận hành, bảo vệ đập và quản lý an toàn đập;

e) Thực hiện các trách nhiệm quản lý nhà nước khác có liên quan về an toàn đập thuộc phạm vi tỉnh quản lý.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành, kể từ ngày……

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07/05/2007 về quản lý an toàn đập.

Điều 25. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.